



## PHỤ LỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ

(Xem theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 6 tháng 1 năm 2019 của HĐND tỉnh)

### 1.1. THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	<b>Đường Võ Nguyên Giáp</b>				
1.1	- Đường từ ngã ba Hải Quan đến ngã ba rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh, đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768	32.000	16.000		
1.2	- Đường từ ngã ba rẽ vào trụ sở phường Tân Thanh, đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650	26.000	13.000		
1.3	- Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường khu liên hiệp TTTDTT tỉnh, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471	21.000	10.500		
1.4	- Đoạn từ ngã ba Hải quan đến hết cầu trắng (giáp địa phận phường Nam Thanh)	26.000	13.000		
1.5	- Đoạn từ cầu trắng (giáp phường Mường Thanh) đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35	18.900	9.500		
1.6	- Đoạn còn lại đến hết địa phận Thành phố (đến cầu bản Ten)	14.000	7.000		
1.7	- Đoạn từ ngã ba rẽ vào khu liên hiệp TTTDTT, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144	14.000	7.000	4.200	

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1.8	- Đoạn từ cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT.	10.000	5.000	3.000	
1.9	- Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường ASEAN)	8.000	4.000	2.400	
<b>2</b>	<b>Đường Trần Đăng Ninh</b>				
2.1	- Đoạn từ ngã ba Hải quan đến hết cầu Thanh Bình	32.000	16.000		
2.2	- Đoạn từ cầu Thanh Bình đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ (bến xe khách Thành phố ĐBP)	25.000	12.500		
<b>3</b>	<b>Đường Trường Chinh</b>				
3.1	- Đoạn tiếp giáp Võ Nguyên Giáp đến đường rẽ vào trường PTDT nội trú tỉnh, đối diện bên kia đường đến hết đất SN 67	18.000	9.000		
3.2	- Đoạn từ đường rẽ vào trường PTDT nội trú tỉnh, đối diện bên kia đường từ tiếp giáp đất SN 69 đến ngã tư trường tiểu học HN - ĐBP	12.000	6.000		
<b>4</b>	<b>Đường Nguyễn Hữu Thọ</b>				
4.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh (Trục đường phía đông) đến tiếp giáp đất cây xăng số 15 (cây xăng Quân đội)	11.500	5.800		
4.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh (Trục phía tây - Phía bên sân bay) đến tiếp giáp đường công vào sân bay	10.000	5.000		

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
4.3	- Đoạn từ cây xăng số 15 (cây xăng Quân đội), phía bên kia đường là công vào sân bay đến hết cầu C13	7.200	3.600		
4.4	-Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến Công hợp 2 tiếp giáp kè sông Nậm Rốm (lý trình Km 194+762,65 về phía cầu Mường Thanh)	10.100	5.100		
4.5	-Đoạn tiếp giáp Công hợp 2 tiếp giáp kè sông Nậm Rốm (lý trình Km 194+762,65) đến ngã tư cầu Mường Thanh	8.400	4.200	2.500	
<b>5</b>	<b>Đường Nguyễn Chí Thanh</b>				
5.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã tư đường Bế Văn Đàn	25.000	12.500		
5.2	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã ba đường ra cầu A1	20.000	10.000		
<b>6</b>	<b>Đường Bế Văn Đàn</b>				
	- Ngã ba đường Võ Nguyên Giáp (Chi nhánh NH phát triển) đến hết cầu Mường Thanh	17.700			
<b>7</b>	<b>Đường cầu A1</b>				
7.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Ngã tư rạp chiếu bóng) đến cầu A1	17.100	8.600		
7.2	- Đoạn từ đầu cầu A1 đến ngã ba rẽ đi Trung đoàn cảnh sát cơ động (Hết đất cây xăng)	9.800	4.900		
<b>8</b>	<b>Đường sau bảo tàng</b>				
	- Đoạn nối từ đường ra cầu A1 đến hết đất bảo tàng, đối diện bên kia đường hết đất số nhà 36	7.300	3.700	2.200	1.500
<b>9</b>	<b>Đường cạnh Bảo tàng</b>				
	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba đường sau Bảo tàng	7.400	3.700	2.200	1.500

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
<b>10</b>	<b>Đường Hoàng Văn Thái</b>				
	- Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Ngã tư nghĩa trang A1) đến ngã tư trường HN - ĐBP	11.200	5.600		
<b>11</b>	<b>Đường nối từ ngã ba đường Hoàng Văn Thái (Tòa án tỉnh) đến đường Hoàng Công Chất (ngã tư công tỉnh đội)</b>	9.400	4.700		
<b>12</b>	<b>Đường Hoàng Công Chất</b>				
12.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã tư trường HN - ĐBP	11.200	5.600		
12.2	- Đoạn từ ngã tư trường HN -ĐBP đến ngã tư rẽ vào tỉnh đội, đối diện bên kia đường đến hết đất số nhà 155	8.400	4.200		
12.3	- Đoạn từ ngã tư rẽ vào công Tỉnh Đội đến hết SN 221, đối diện bên kia đường là rẽ vào ngõ 246, SN 246	9.700	4.900	2.900	1.900
12.4	- Đoạn tiếp giáp SN 221 đối diện bên kia đường là lối rẽ vào ngõ 246, đến ngã ba rẽ vào đường 22,5m (Hết địa phận phường Mường Thanh). Đối diện hết đất số nhà 237	8.400	4.200	2.500	1.700
12.5	- Đoạn từ ngã ba đường 22,5m (Hết địa phận phường Mường Thanh). Đối diện hết đất số nhà 237 đến ngã tư công bệnh viện Đa khoa tỉnh	6.500	3.300	2.000	1.300
12.6	- Đoạn từ ngã tư công bệnh viện Đa khoa tỉnh đến hết đất trường Cao đẳng y tế	5.000	2.500		
12.7	- Đoạn từ giáp đất trường cao đẳng y tế đến hết đất bản Noong Bua	2.900	1.500	900	600
12.8	- Đoạn tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến công Tỉnh đội	5.000	2.500		

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
<b>13</b>	<b>Đường Lê Trọng Tấn</b>				
13.1	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp (cạnh công ty thương nghiệp Điện Biên) đến ngã tư dốc Ta Pô.	20.900	10.500		
13.2	- Đoạn từ ngã tư dốc Ta Pô đến giáp đất Lữ đoàn 82	5.200	2.600		
<b>14</b>	<b>Đường sau chợ trung tâm I</b>				
14.1	- Đoạn từ ngã tư đường Lê Trọng Tấn (chân dốc Ta Pô) đến cổng phụ trung tâm Thương mại thành phố, đối diện bên kia hết đất số nhà 37D	11.100	5.600		
14.2	- Đoạn từ cổng phụ trung tâm Thương mại thành phố, đối diện bên kia tiếp giáp đất số nhà 37D đến hết đất bãi đỗ xe của DN Huy Toàn	5.300	2.700		
14.3	- Đoạn từ ngã tư đường Lê Trọng Tấn (chân dốc Ta Pô) rẽ vào đường sau khách sạn Công Đoàn	5.300	2.700		
<b>15</b>	<b>Đường 27m:</b>				
	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh đến tiếp giáp đường 13m	10.600	5.300		
<b>16</b>	<b>Đường 13m:</b>				
	Nối tiếp đường 27m (cổng sau trường sư phạm) đến ngã tư đường Sùng Phái Sinh	6.200	3.100	1.900	
<b>17</b>	<b>Đường Tôn Thất Tùng</b>				
	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái (từ đất của TTPCBXH) đến cổng phụ Tỉnh đội	6.500	3.300		
<b>18</b>	<b>Quốc lộ 12</b>				
18.1	- Đoạn từ cầu C13 đến hết địa phận thành phố	4.600	2.300	1.400	

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
18.2	- Đoạn từ cầu Mường Thanh cũ đến ngã ba rẽ đi Trung đoàn cơ động (Tiếp giáp đất cây xăng)	9.400	4.700	2.800	
<b>19</b>	<b>Đường Lò Văn Hặc</b>				
19.1	- Đoạn từ ngã ba đường Trần Đăng Ninh đến ngã tư thứ nhất	8.400			
19.2	- Đoạn tiếp giáp từ ngã tư thứ nhất đến hết đường Lò Văn Hặc	6.200	3.100		
<b>20</b>	<b>Đường Trần Văn Thọ</b>				
	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Công An tỉnh) đến hết đường Trần Văn Thọ	7.300	3.700		
<b>21</b>	<b>Đường 13/3</b>				
21.1	- Từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Văn Thọ rẽ về phía bên UBND thành phố đến hết đất Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh, đối diện là hết đất số nhà 01	5.900	3.000		
21.2	- Từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Văn Thọ rẽ về phía Công an tỉnh, đến giáp đất di tích đề kháng Him Lam, đối diện là hết đất số nhà 34	5.900	3.000		
<b>22</b>	<b>Đường 10,5m Cạnh UBND tỉnh</b>				
	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp vào sân vận động và 2 đường nhánh bao quanh SVĐ (1 nhánh tiếp giáp với đường Trường Chinh, 1 nhánh tiếp giáp với đường Hoàng Công Chất)	5.800	2.900		
<b>23</b>	<b>Đường cạnh quảng trường UBND tỉnh</b>				
	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (trụ sở cựu chiến binh tỉnh) đến ngã ba cắt đường Phan Đình Giót	8.300	4.200		
<b>24</b>	<b>Đường Phan Đình Giót</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
24.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp cạnh khách sạn HN- ĐBP đến ngã ba rẽ vào chợ TT3, hết đất số nhà 100	5.700	2.900		
24.2	- Đoạn từ ngã ba đường Phan Đình Giót đến ngã ba đường cạnh Quảng trường UBND tỉnh hết đất phòng Công chứng số 1	5.700			
<b>25</b>	<b>Đường Trần Can</b>				
25.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba thứ nhất, đối diện hết đất số nhà 08	8.800	4.400		
25.2	- Đoạn từ ngã ba thứ nhất đối diện bên kia tiếp giáp đất số nhà 08 đến ngã ba tiếp giáp đường Phan Đình Giót.	6.100	3.100		
<b>26</b>	<b>Đường trước chợ trung tâm III: Đoạn từ ngã ba đường Trường Chinh đến ngã ba đường Trần Can</b>	8.800	4.400		
<b>27</b>	<b>Các đường nhánh nối từ Võ Nguyên Giáp sang đường Nguyễn Chí Thanh (trừ đường ra cầu A1- đường Bế Văn Đàn ra cầu Mường Thanh cũ)</b>	5.600	2.800		
<b>28</b>	<b>Đường Tô Vĩnh Diện</b>				
28.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện cây xăng công an tỉnh) đến ngã ba thứ 2 (Hết đất thửa 143 TBD 58, đối diện hết đất thửa 107 TBD 58)	5.600	2.800	1.700	1.100
28.2	- Đoạn từ ngã ba thứ 2 (Tiếp giáp thửa 107 TBD 58) đến hết đất nghĩa trang Him Lam	5.400	2.700	1.600	1.100

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
28.3	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện (Tiếp giáp thửa 143 TBĐ 58) đến ngã ba rẽ vào Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Điện Biên (TDP 18 - Him Lam)	2.100	1.100	600	400
28.4	- Đoạn từ ngã rẽ vào Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Điện Biên (TDP 18 - Him Lam) đến Ngã ba tiếp giáp đường Bệnh viện - Tà Lèng	1.900	1.000	600	400
28.5	- Đoạn tiếp giáp đường 13,5m khu Tái định cư Phiêng Bua đến Trụ sở Công an Phường Noong Bua	1.900	1.000	600	400
<b>29</b>	<b>Đường Sùng Phái Sinh</b>				
29.1	- Đoạn từ Ngã ba đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất Chi nhánh Điện Thành Phố, bên kia đường đến ngõ vào phố 15 (P.Him Lam).	8.000	4.000	2.400	1.600
29.2	- Đoạn tiếp giáp đất Chi nhánh Điện Thành Phố, bên kia đường tiếp giáp ngõ vào phố 15 (P.Him Lam) đến ngã tư đường 27m	6.400	3.200	1.900	1.300
29.3	- Đoạn tiếp giáp đường 27m đến đường Hoàng Công Chất	2.500	1.300	800	500
<b>30</b>	<b>Đường rẽ vào xí nghiệp gạch:</b> Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất trụ sở công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng Điện Biên	4.000	2.000	1.200	800
<b>31</b>	<b>Đường rẽ vào Công ty xăng dầu Điện Biên</b>				



STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
31.1	Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất công ty xăng dầu Điện Biên, phía bên kia hết đất số nhà 68 (bao gồm cả đoạn rẽ lên khu nhà ở Tân Thanh)	4.000	2.000	1.200	
31.2	Đoạn tiếp giáp đất công ty xăng dầu Điện Biên đến hết đường nhựa (tính cả 2 bên đường)	3.300	1.700	1.000	
32	<b>Đường rẽ vào trại 1 cũ (trường dân tộc nội trú huyện ĐB)</b>				
32.1	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp đến cầu Bê tông thứ nhất	7.000	3.500		
32.2	- Đoạn từ cầu Bê tông thứ nhất đến bờ nương	4.000	2.000	1.200	800
33	<b>Đường đi cầu treo C4:</b> Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp cạnh cây xăng C4 đến đầu cầu treo C4	7.000	3.500	2.100	1.400
34	<b>Các đường nhánh còn lại nối từ đường Trường Chinh đến các đường khác.</b>				
34.1	- Các đường nhựa hoặc bê tông có khổ rộng từ 5 đến dưới 7m	3.800	1.900	1.100	
34.2	- Các đường nhựa hoặc bê tông có khổ rộng từ 3 đến dưới 5m	3.500	1.800	1.100	
34.3	- Các đường nhựa hoặc bê tông có khổ rộng dưới 3m	3.300	1.700	1.000	
34.4	- Các đường đất, cấp phối	2.500	1.300	800	
35	<b>Đường đi vào xã Thanh Luông:</b> Đoạn từ ngã tư cầu Mường Thanh đến hết địa phận Thành phố	5.000	2.500	1.500	
36	<b>Đường Hòa Bình</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
36.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp qua trụ sở phường Tân Thanh đến hết đất số nhà 61, đối diện bên kia hết đất SN 58	4.600	2.300	1.400	900
36.2	- Đoạn tiếp giáp đất số nhà 61, đối diện bên kia tiếp giáp đất SN 58 đến ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (đối diện cổng sở Nông nghiệp PTNT)	3.300	1.700	1.000	700
<b>37</b>	<b>Đường vào C13</b>				
37.1	- Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 12 đến cổng phòng khám đa khoa khu vực. Đối diện hết đất SN16	2.400	1.200	700	500
37.2	- Đoạn tiếp giáp cổng phòng khám đa khoa khu vực. Đối diện tiếp giáp đất SN16 đến cầu máng C8	1.700	900	500	300
37.3	- Các đường nhựa hoặc bê tông còn lại thuộc phố 1, phố 2 phường Thanh Trường	1.500	800	500	300
<b>38</b>	<b>Các tuyến đường trong khu dân cư kình tả</b>				
38.1	- Đường có khổ rộng 17m	5.600			
38.2	- Đường có khổ rộng 13 m	3.400			
38.3	- Đường có khổ rộng 10 m: Đoạn từ Trung tâm Dân số KHHGD-TP đến hết đất trường mầm non Sơn ca	4.100			
38.4	- Đường có khổ rộng 10 m: Đoạn từ hết đất trường mầm non Sơn ca song song với đường 13m đến hết đất lô F1	3.100			
<b>39</b>	<b>Các đường còn lại tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
39.1	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng 7m trở lên là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	3.600	1.800	1.100	700
39.2	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng 7m trở lên là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	3.200	1.600	1.000	600
39.3	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng 7m trở lên là đường đất, cấp phối (100m đầu tính từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp, tính trọn thửa)	3.000	1.500	900	600
39.4	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng 7m trở lên là đường đất, cấp phối (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	2.700	1.400	800	500
39.5	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng dưới 7m (là đường nhựa hoặc bê tông)- (100m đầu, tính trọn thửa)	3.000	1.500	900	600
39.6	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng dưới 7m (là đường nhựa hoặc bê tông) - (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	2.700	1.400	800	500
39.7	- Các đường tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng dưới 7m là đường đất, cấp phối - (100m đầu, tính trọn thửa)	2.500	1.300	800	500

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
39.8	- Các đường tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng dưới 7m là đường đất, cấp phối - (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	2.200	1.100	700	400
40	<b>Đường nối từ đường Sùng Phái Sinh đến ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (Đường đi nghĩa trang Hòa Bình)</b>				
40.1	- Đoạn tiếp giáp đường Sùng Phái Sinh đến hết đất số nhà 164, đối diện bên kia là đường đi lên trạm thông tin	5.000	2.500	1.500	1.000
40.2	- Đoạn tiếp giáp đất số nhà 164 đối diện bên kia đường là đường đi lên trạm thông tin đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất	4.800	2.400	1.400	1.000
41	<b>Các đường còn lại trong khu dân cư</b>				
41.1	- Các đường có khổ rộng 10m tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh, Đường Nguyễn Hữu Thọ phường Thanh Bình	6.000			
41.2	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7m đến dưới 11,5m là đường nhựa, bê tông	3.800	1.900	1.100	800
41.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	4.200	2.100	1.300	800
41.4	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	4.600	2.300	1.400	900

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
41.5	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7m đến dưới 11,5m là đường đất, cấp phối	2.400	1.200	700	500
41.6	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	2.800	1.400	800	600
41.7	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	3.400	1.700	1.000	700
<b>42</b>	<b>Các đường Bê tông trong các khu dân cư</b>				
42.1	- Các đường Bê tông có khổ rộng từ 5m đến dưới 7m	3.000	1.500	900	600
42.2	- Các đường Bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m	2.300	1.200	700	500
42.3	- Các đường bê tông còn lại dưới 3m	1.800	900	500	400
<b>43</b>	<b>Các đường đất, cấp phối trong các khu dân cư</b>				
43	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5m đến dưới 7m	2.100	1.100	600	400
43.1	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m	1.600	800	500	300
43.2	- Các đường đất còn lại dưới 3m	1.400	700	400	300

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
<b>44</b>	<b>Các tuyến đường trong khu tái định cư thủy điện Sơn La tại phường Noong Bua.</b>				
44.1	- Đường có khổ rộng 36m	8.700			
44.2	- Đường có khổ rộng 22,5m	5.500			
44.3	- Đường có khổ rộng 20,5m	5.200			
44.4	- Đường có khổ rộng 16m	4.400			
44.5	- Đường có khổ rộng 13,5m	3.600			
44.6	- Đường có khổ rộng 11,5m	2.700			
<b>45</b>	<b>Đường vành đai 3 (Asean)</b>	-			
45.1	- Đoạn từ cầu Huổi Phạ đến hết đất khách sạn Him Lam	5.000	2.500		
45.2	-Đoạn hết đất khách sạn Him Lam đến giáp địa phận xã Tà Lèng	1.800	900	500	400
45.3	-Đoạn từ địa phận xã Tà Lèng đến hết địa phận thành phố	1.200	600	400	200
<b>46</b>	<b>Đường phía tây sông Nậm Rốm: Đoạn từ ngã tư cầu Mường Thanh đi qua hầm Đờ Cát, đến hết địa phận Thành Phố (Bao gồm cả đường nhánh rẽ ra cầu A1)</b>	3.100	1.600	900	600
<b>47</b>	<b>Đường vào Trung tâm TĐTT</b>				
47.1	Đường 32m đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp vào đến hết đất Nhà thi đấu đa năng tỉnh Điện Biên (2 bên đường)	11.900	6.000		
47.2	Đường 24,5m nối với đường 32m cạnh Nhà thi đấu đa năng	8.100	4.100		

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
48	<b>Đường nối từ đường Hoàng Văn Thái đến khu TĐC Khe Chít I (Đường 20,5m)</b>				
48.1	- Đoạn từ tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái đến ngã ba suối Hồng Lú (Hết địa phận phường Mường Thanh)	5.500	2.800	1.700	1.100
48.2	- Đoạn từ ngã ba suối Hồng Lú (Hết địa phận phường Mường Thanh) đến ngã tư tiếp giáp đường 20,5m Noong Bua đi Pú Từ	5.200	2.600	1.600	1.000
48.3	- Đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường Noong Bua Pú Từ đến tiếp giáp đường Trục C (13,5m) khu TĐC Khe Chít I	5.200	2.600	1.600	1.000
49	<b>Đường vành đai II (Đường 20,5m)</b>				
49.1	Đoạn nối tiếp khu TĐC Thủy điện Sơn La - Phường Noong Bua đến ngã tư giao nhau với đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít	5.200	2.600	1.600	1.000
49.2	Đoạn từ ngã tư giao nhau đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít đến hết địa phận Thành Phố	4.000	2.000	1.200	800
50	<b>Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu dân cư Kênh Tả (Đường 20,5m)</b>	5.500	2.800	1.700	1.100
51	<b>Đường nối từ khu dân cư Kênh Tả đến đường Bệnh viện - Tả Lèng (Đường 20,5m)</b>	5.200	2.600	1.600	1.000
52	<b>Đường trong khu du lịch sinh thái Him Lam và các đường nối vào khu du lịch sinh thái Him Lam</b>	2.800	1.400	800	600

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
<b>53</b>	<b>Đường nối từ ngã 4 Hoàng Công Chất (cổng Bệnh viện tỉnh) đi Tà Lèng</b>				
53.1	Đoạn từ ngã tư bệnh viện tỉnh đến hết đất trụ sở Cục thuế tỉnh Điện Biên (Tiếp giáp đường 60m)	4.800	2.400	1.400	1.000
53.2	Đoạn từ tiếp giáp đường 60m đến ngã tư tiếp giáp đường ra Khách sạn Him Lam	5.000	2.500	1.500	1.000
53.3	Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường ra Khách sạn Him Lam đến ngã ba rẽ vào bản Tà Lèng	4.800	2.400	1.400	1.000
53.4	Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở UBND xã	3.200	2.200	1.600	1.000
<b>54</b>	<b>Các tuyến đường trong khu Tái định cư Khe Chít I</b>				
54.1	- Đường có khổ rộng 20,5m	5.200			
54.2	- Đường có khổ rộng 17m	4.600			
54.3	- Đường có khổ rộng 13,5m	3.500			
<b>55</b>	<b>Tuyến đường nối từ đường ASEAN đến cầu BTCT khu TĐC Khe Chít - (Đường 17,5m Khe Chít II)</b>	4.800			
<b>56</b>	<b>Các tuyến đường trong khu Tái định cư Phiêng Bua</b>				
56.1	- Đường có khổ rộng 13,5m	3.600			



STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
56.2	- Đường có khổ rộng 13m	3.500			
57	Các tuyến đường trong khu Tái định cư Công viên trẻ thơ				
57.1	- Đường có khổ rộng 60m	22.400			
57.2	- Đường có khổ rộng 10m	5.600			

1.2. HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
<b>I</b>	<b>Đường 19,5 m</b>			
1	- Đoạn từ cổng nhà văn hóa tổ 5 tới ngã tư cây xăng (từ thửa đất ở đô thị thửa số 46 tờ bản đồ 23 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 139 tờ bản đồ 31 và thửa số 13, thửa số 20 tờ bản đồ 30)	3.400	1.400	
2	Đoạn từ ngã tư cây xăng đến ngã tư sân vận động – cổng chào tổ 2 (từ thửa số 94 và thửa số 53 tờ bản đồ 31 đến hết thửa số 6 đất chưa sử dụng và thửa số 67 đất chưa sử dụng, tờ bản đồ 32) (trừ khu vực đấu giá tổ 5 từ đường đôi đến trụ sở Kho bạc Nhà nước và khu vực đấu giá cổng chào tổ 2).	4.000	1.600	
3	Đoạn từ ngã tư sân vận động – cổng chào tổ 2 đến ngã 3 đường bê tông sang tổ 1 (từ thửa đất số 40 đất giao thông tờ bản đồ 32 đến hết thửa đất đai tương niệm thửa số 28 tờ bản đồ 33)	1.550	600	
4	Đoạn từ ngã 3 đường bê tông sang tổ 1 đến hết ngã ba nhà công vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (từ thửa đất chưa sử dụng thửa đất số 5 tờ bản đồ 33 đến thửa số 57 đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác tờ bản đồ 26 (trong đó có thửa đất số 3 đất bằng chưa sử dụng tờ bản đồ 33)	1.450	550	250
5	Đoạn từ ngã 3 nhà công vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đến ngã tư lối rẽ lên Công an huyện – trường tiểu học – Toà án huyện (từ thửa đất ở đô thị thửa 49 và đất chưa sử dụng thửa số 58 tờ bản đồ 26 đến hết thửa đất số 8 đất thủy lợi tờ bản đồ 24)	1.600	700	
6	Đoạn từ ngã tư Công an huyện – trường tiểu học – Toà án xuống ngã 3 rẽ lên UBND, qua ngã 3 khu liên hợp thể thao đến cổng nhà văn hóa tổ 5 (thửa đất cơ sở văn hóa số 29 tờ bản đồ 23 đến hết thửa đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 92 và sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 45 tờ bản đồ 23)	1.800	800	
7	<b>Khu vực đấu giá tổ 5</b> Từ thửa 168 đến thửa 175 tờ bản đồ 31 (bám trực đường 19,5m)	2.400		
8	Từ thửa 158 đến thửa 166 tờ bản đồ 31 (quay sang Kho bạc Nhà nước)	1.600		
9	Từ thửa 152 đến thửa 157 tờ bản đồ 31 (quay sang chợ trung tâm)	3.600		
10	Thửa 151, 162, 163, 164, 167 tờ bản đồ 31 (bám trực đường đôi)	2.200		

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
11	Các thửa 159, 160, 161 tờ bản đồ 31 (trong khu đấu giá)	800		
<b>II</b>	<b>Trục đường đôi</b>			
1	- Từ thửa đất ở đô thị thửa đất số 41 tờ bản đồ số 23 chỗ ngã ba giao đường 19,5m đến ngã ba cổng trung tâm hội nghị (trừ khu đấu giá tổ 5 và lô đất chợ trung tâm trong nhà)	3.450	1.500	
2	- Lô đất chợ trung tâm - trong nhà (thửa đất chợ thửa số 6 tờ bản đồ 31)	3.450	1.500	
<b>III</b>	<b>Đường 16,5m</b>			
1	Đoạn từ thửa đất xây dựng trụ sở cơ quan khu ngã ba Bưu điện – Trạm thú y – Trạm bảo vệ thực vật đến khu ngã tư Chi cục thuế (từ thửa số 79 tờ bản đồ 23 và thửa đất ở đô thị thửa số 56 đến hết thửa đất ở đô thị số 39 và thửa đất số 48 đất xây dựng trụ sở cơ quan tờ bản đồ 23 )	1.700	900	
2	Đoạn từ ngã tư Chi cục thuế đến ngã 3 phía sau Nhà truyền thống (thửa đất số 15 đất xây dựng trụ sở cơ quan tờ bản đồ số 23 và thửa đất ở đô thị thửa số 38, vòng lên hết thửa đất ở đô thị 62 tờ bản đồ 24)	1.200	500	
3	Đoạn từ thửa đất ở đô thị thửa số 50 tờ bản đồ 23 và thửa đất ở đô thị thửa số 54 tờ bản đồ 24 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 41 và thửa đất ở đô thị thửa số 61 tờ bản đồ 24	850	560	
4	Đoạn từ ngã 3 sau Nhà truyền thống vòng ra sau chợ tới ngã ba đường 19,5m (ngã 3 Kho bạc, trừ khu đấu giá tổ 5)	1.000	400	
5	Đoạn từ ngã ba cây xăng đi qua Chi nhánh điện rẽ phải sang ngã tư Nhà khách đối diện chợ (từ thửa đất ở đô thị thửa số 24 và thửa đất đồi núi chưa sử dụng thửa số 28 tờ bản đồ 31, thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 13 tờ bản đồ 31 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 32 tờ bản đồ 31)	1.600	700	
6	Đoạn từ ngã tư Chi cục thuế (thửa đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 16 và thửa đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 92 tờ bản đồ 23) đến ngã ba khu liên hợp thể thao giao đường 19,5m	1.600	700	

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
7	Đoạn từ ngã ba Bưu điện – Trạm Bảo vệ thực vật – Chi cục thú y đi qua trung tâm hội nghị đến hết đất chợ (từ thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 78 tờ bản đồ 23 và thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 12 tờ bản đồ 31 đến thửa đất chợ thửa số 6 tờ bản đồ 31- trừ thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 9 tờ bản đồ 31)	1.600	700	
8	Đối diện nhà khách (từ thửa đất 114 đến thửa đất số 31 tờ bản đồ 31)	1.450	700	
<b>IV</b>	<b>Đường 13,5m</b>			
1	- Khu đấu giá tổ 2 (lối vào trụ sở UBND thị trấn mới)	1.000	400	180
2	- Đoạn từ cổng chào tổ 2 đến thửa đất ở đô thị số 17 tờ bản đồ 36 đối diện thửa đất ở đô thị thửa số 19 tờ bản đồ 36	1.200	500	240
3	- Đoạn từ thửa đất ở đô thị thửa số 20 tờ bản đồ 36 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 12 tờ bản đồ số 42	700	300	140
4	Đoạn từ ngã ba nhà công vụ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện đến nhà ông Lò Văn Chiên đối diện ông Lò Văn Xuyên (đầu thửa đất ở đô thị thửa số 49 tờ bản đồ 26 và đối diện sang bên đường hết thửa đất ở đô thị thửa số 6 tờ bản đồ 12 đến thửa đất ở đô thị thửa số 27 tờ bản đồ số 18 đối diện thửa đất ở đô thị tờ bản đồ số 18)	1.400	600	250
5	Đoạn từ ngã 3 trước cổng trường Trần Can đến hết trường Trung học cơ sở thị trấn (thửa đất trồng cây lâu năm thửa số 43 tờ bản đồ 26 đến hết thửa đất cơ sở giáo dục - đào tạo thửa số 20 tờ bản đồ 10)	800	350	150
<b>V</b>	<b>Đường 11,5 m</b>			
1	Đoạn từ cổng huyện đội vòng ra sau trụ sở Huyện ủy và UBND huyện, qua phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đến ngã ba trường THCS – THPT Trần Can (thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 25 tờ bản đồ 15 đến thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 21 tờ bản đồ 15 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 31 tờ bản đồ 18)	960	400	170
2	Đoạn từ cổng trường Phổ thông DTNT huyện qua cổng UBND huyện khu vực Tòa án huyện xuống chân dốc ngã 3 Công an huyện – trường Tiểu học thị trấn (từ toàn bộ thửa đất cơ sở giáo dục - đào tạo số 21 và đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 11 tờ bản đồ số 21 đến chân dốc ngã 3 Công an huyện – trường Tiểu học thị trấn).	960	400	170

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
3	Đoạn từ ngã 3 phòng Tài chính - Kế hoạch huyện lên trước cổng UBND huyện, xuống dốc gặp trục đường 19,5m.	960	400	170
4	Đoạn từ thửa đất ở đô thị thửa số 31 tờ bản đồ 25 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 3 tờ bản đồ 25	700	300	140
<b>VI</b>	<b>Đường khác và các vị trí còn lại</b>			
1	Đoạn từ ngã tư cây xăng qua trước cửa cơ quan Tầm nhìn thế giới (từ thửa đất ở tại đô thị thửa số 139 và đất ở tại đô thị thửa số 94 tờ bản đồ 31 đến hết thửa đất ở tại đô thị thửa số 11 tờ bản đồ 36)	700	300	120
2	Đoạn từ ngã tư phòng Văn hóa – Hạt kiểm lâm tới khu đấu giá tổ 5 (từ thửa đất thủy lợi thửa số 19 tờ bản đồ 30 đối diện thửa đất cơ sở sản xuất, kinh doanh thửa số 17 tờ bản đồ 30 đến hết thửa đất ở đô thị số 53 tờ bản đồ 30)	750	350	150
3	Các vị trí đất đồi dốc, vị trí xa trung tâm hoặc xa trục đường nhựa	400	240	100
4	Đoạn từ ngã ba Thị trấn – Pu Nhi theo trục đường đi Pu Nhi đến hết đường bê tông (từ thửa đất ở đô thị thửa số 7 tờ bản đồ 12 đến đầu thửa đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt 11 tờ bản đồ 66)	450	250	120
5	Đoạn từ ngã 3 Thị trấn – Pu Nhi đến ngã 3 tổ 1, rẽ phải sang khu vực bãi rác (từ thửa đất ở tại đô thị thửa số 7 tờ bản đồ 12 đến hết thửa đất ở tại đô thị thửa số 18 tờ bản đồ 40)	450	250	120
6	Đoạn từ ngã 3 tổ 1 rẽ theo hướng Na Son qua cổng Bệnh viện, đến hết ngã 3 đường bê tông (từ thửa đất ở tại đô thị thửa số 7 và đất ở tại đô thị thửa số 14 tờ bản đồ 20 đến hết thửa đất ở tại đô thị thửa số 10 tờ bản đồ 43)	450	250	120
7	Khu quy hoạch dân cư phía bắc	600	350	150
8	Đoạn từ thửa đất bằng chưa sử dụng thửa số 83 tờ bản đồ số 18 đến ngã ba đi Pu Nhi	600	280	130
9	Đoạn ngã 3 đối diện bể bơi đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 11 tờ bản đồ 36	700	300	120
10	Đường đôi sân vận động	2.600	1.200	500
11	Các vị trí còn lại	340	150	90

### 1.3. HUYỆN MUỜNG ẮNG

ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
<b>I.</b>	<b>Trục đường QL 279 thị trấn Mường Ắng áp dụng cho đoạn đường sau: (đi theo chiều từ xã Ắng trở đến chân đèo Tăng Quái)</b>			
<b>1</b>	<b>Đoạn QL 279 từ ranh giới hành chính 364 (Ắng Trở - TT Mường Ắng) đến hết trạm xăng dầu số 9.</b>			
1.1	Đoạn đường ranh giới hành chính 364 (Ắng Trở - TT Mường Ắng) đến đường rẽ vào bãi đá (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Trần Danh Thêu - Tổ dân phố 10)	2.300	920	690
1.2	Đoạn đường rẽ vào bãi đá (đối diện bên kia đường từ đất gia đình ông Trần Danh Thêu) đến hết đất gia đình ông Nguyễn Mạnh Thắng - (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông: Nguyễn Phương Chiến - Tổ dân phố 10)	2.500	1.000	750
1.3	Đoạn đường từ biên đất gia đình ông Nguyễn Mạnh Thắng (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông: Nguyễn Phương Chiến) đến hết đất trạm xăng dầu số 9 - Tổ dân phố 9 (Đối diện bên kia đường là hết đất gia đình ông: Nguyễn Thái Luông- TDP 9)	3.000	2.400	1.900

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
2.	<b>Đoạn đường QL 279 từ biên đất trạm xăng dầu số 9 (Đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông: Nguyễn Thái Luông) đến hết biên đất gia đình bà Khiếu Thị Nụ (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Nguyễn Đức Dur)</b>			
2.1	Đoạn đường từ biên đất trạm xăng dầu số 9 (Đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông: Nguyễn Thái Luông) đến hết đất gia đình Đỗ Văn Dũng (đối diện bên kia đường là hết đất gia đình bà Bùi Thị Bé - TDP 8)	3.500	1.400	1.050
2.2	Đoạn đường từ biên đất gia đình ông Đỗ Văn Dũng (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình bà Bùi Thị Bé - TDP 8) đến hết đất bà Khiếu Thị Nụ (Đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Nguyễn Đức Dur)	4.000	1.600	1.200
3	<b>Đoạn đường QL 279 từ biên đất gia đình bà Khiếu Thị Nụ đến hết đất nhà ông Vi Văn Rèn (đối diện bên kia đường là hết đất gia đình ông Dương Thái Bình).</b>			
3.1	Đoạn đường từ biên đất gia đình bà Khiếu Thị Nụ (đối diện bên kia đường là từ biên đất gia đình ông: Nguyễn Đức Dur - TDP 8) đến hết biên đất đội thuế TT (đối diện bên kia đường là hết biên đất ngân hàng NN&PTNT)	4.500	1.960	1.350

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
3.2	Đoạn đường từ biên đất đội thuế TT (đối diện bên kia đường từ biên đất ngân hàng nông nghiệp và PT nông thôn) đến hết đất gia đình ông Vi Văn Rèn (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Dương Thái Bình - tổ dân phố 5).	4.600	2.380	1.380
4	Toàn bộ khuôn viên chợ (chợ trung tâm thị trấn)	5.000	2.000	1.500
5	<b>Đoạn đường QL 279 từ biên đất gia đình ông Vi Văn Rèn (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Dương Thái Bình - tổ dân phố 5) đến hết đất gia đình ông Hà Bầy (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Lê Xuân Hồng.)</b>			
5.1	Đoạn đường QL 279 từ biên đất gia đình ông Vi Văn Rèn (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Dương Thái Bình - tổ dân phố 5) đến hết đất gia đình ông Nguyễn Văn Sinh (đối diện bên kia đường là hết đất gia đình bà Tâm Sứ - TDP5)	4.550	1.820	1.365
5.2	Đoạn từ biên đất gia đình ông Nguyễn Văn Sinh (Đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình bà Tâm Sứ - TDP5) đến hết đất gia đình ông Hà Bầy (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Lê Xuân Hồng).	3.200	1.280	960



STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
6	Đoạn đường QL 279 từ biên đất gia đình ông Hà Bầy (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Lê Xuân Hồng.) đến cống cua chân đèo.			
6.1	Đoạn từ biên đất gia đình ông Hà Bầy (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Lê Xuân Hồng) đến hết đất gia đình ông Khôi (đối diện bên kia đường là đường đi trung tâm hành chính huyện)	2.900	1.160	870
6.2	Đoạn từ biên đất gia đình ông Khôi (đối diện bên kia đường là đường đi trung tâm hành chính huyện) đến hết đất nhà sàn ông Tiến Xuân	2.700	1.080	810
6.3	Đoạn từ nhà sàn ông Tiến Xuân đến cống cua chân đèo	1.500	600	450
II.	Từ trục đường QL 279 Thị Trấn Mường Ảng rẽ đi các ngã áp dụng cho các đoạn đường sau:			
1	Đoạn đường rẽ đi Ảng Cang từ QL 279 đến đường rẽ vào khu tái định cư bản Hón			
1.1	Đoạn đường rẽ đi Ảng Cang từ QL 279 đến hết đất gia đình ông Nguyễn Phúc Luân (Hoà) (đối diện hết đất gia đình ông Thu Thuyết - Tổ dân phố 7).	6.300	2.650	1.890
1.2	Đoạn đường giáp biên đất gia đình Nguyễn Phúc Luân (Hoà) đến hết đất bà Chu Thị Hoài (Đối diện hết đất gia đình bà Nguyễn Thị Lựu)	5.900	2.350	1.770

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1.3	Đoạn từ nhà bà Chu Thị Hoài (Đối diện hết đất gia đình bà Nguyễn Thị Lựu) đến ngàm thị trấn	5.000	1.920	1.500
1.4	Đoạn từ ngàm Thị trấn đến hết ngã tư đường giao nhau với đường 42 m	4.000	1.520	1.200
1.5	Đoạn từ ngã tư đường giao nhau với đường 42 m đến đường rẽ vào khu tái định cư bản Hón	3.500	1.400	1.050
1.6	Đoạn đường 27m khu tái định cư bản Hón (từ thửa số 16A - 6 đến thửa đất số 16B - 5) (Áp dụng cho cả hai bên đường)	1.000	400	300
1.7	Đoạn đường 16m khu tái định cư bản Hón từ biên đất gia đình ông Lò Văn Lả thuộc thửa đất số 16B - 4 (đối diện bên kia đường là trung tâm Giáo dục thường xuyên) đến hết thửa đất số 16 E-1 (Áp dụng cho cả hai bên đường)	780	312	234
1.8	Các đoạn đường còn lại trong khu tái định cư bản Hón	450	180	135
2	<b>Đoạn đường trước cổng Trung tâm y tế huyện từ biên đất gia đình ông Nguyễn Phúc Luân (Hoà) (đối diện bên kia đường là biên đất gia đình ông Tạo Dâu) đến đường đi Ảng Nưa.</b>	4.600	1.840	1.380
3	<b>Đoạn đường rẽ đi Ảng Nưa: Từ QL 279 đến hết đất gia đình ông Tống Văn Ba (Tổ dân phố 6) (đối diện bên kia đường là hết đất trường mầm non Hoa Hồng)</b>	4.600	1.840	1.380

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
4	Đoạn đường đi Ấng Nưa: từ biên đất gia đình ông Tống Văn Ba tổ dân phố 6 (đối diện bên kia đường là hết đất trường mầm non Hoa Hồng) đến hết đất gia đình Hạnh Ngũ (đối diện bên kia đường là hết đất gia đình ông Hứa Trụ Tám)	2.600	1.040	780
5	Đoạn từ biên đất gia đình Hạnh Ngũ (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Hứa Trụ Tám) đến hết biên đất nhà ông Thừa (đối diện bên kia là hết biên đất gia đình ông Phương Thanh)	2.500	1.000	750
6	Đoạn từ biên đất nhà ông Thừa (đối diện bên kia là biên đất gia đình ông Phương Thanh) đến mốc 364 (Thị trấn - Ấng Nưa)	1.200	480	360
7	Đường đi trung tâm hành chính huyện đoạn từ QL 279 (Từ biên đất nhà bà Tại đối diện biên đất ông Xá) đến cầu bê tông			
7.1	Đường đi trung tâm hành chính huyện đoạn từ QL 279 (Từ biên đất nhà bà Tại đối diện biên đất ông Xá) đến hết đất nhà ông Khang thủy (Một bên là nhà bà Mơ Khuân)	5.000	2.000	1.500
7.2	Đoạn từ nhà ông Khang thủy (Một bên là nhà bà Mơ Khuân) đến cầu bê tông	4.500	1.800	1.350
7.3	Đoạn từ cầu bê tông đến khu trung tâm hành chính huyện (Áp giá cho 2 bên đường)	3.500	1.400	1.050
8	Đoạn đường nội thị: Từ ngã ba tổ dân phố 2 (từ biên đất gia đình ông Thừa ) đến QL 279	1.300	520	390

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
9	Đoạn đường nội thị: Từ biên đất gia đình ông Ty đến QL 279	1.500	600	450
10	Đoạn đường bê tông thuộc các Tổ dân phố 2,3,4,5,6,7,8,9,10			
10.1	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 2	550	264	165
10.2	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 3	850	408	255
10.3	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 4	900	432	270
10.4	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 5	950	456	285
10.5	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 6, 7	750	360	225
10.6	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 8	750	360	225
10.7	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 9	650	312	195
10.8	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 10	600	288	180
11	Các đường ngõ xóm còn lại và các bản thuộc thị trấn	350	168	105
12	Các đoạn đường đất còn lại trong địa bàn thị trấn Mường Ảng	260	125	78
13	Các đoạn đường 27m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng giai đoạn 1	3.500		

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
14	Các đoạn đường 11,5m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng giai đoạn 1	2.500		
15	Đất ở bám trục đường 16,5m	3.500		
16	Các đoạn đường bám trục đường 42	3.000	1.200	900
17	Trục đường 27m đoạn nối từ đường nội thị giai đoạn 1 (Đoạn đường 16,5m) với đoạn giao với trục đường 16m khu tái định cư bản Hón (Dọc biên đất công chính Trung tâm giáo dục thường xuyên)	3.500		
18	Đoạn đường 11,5 m Khu đấu giá Lô NV20 (Khu bệnh viện cũ)	2.200		
19	Các đoạn đường còn lại thuộc Khu đấu giá Lô NV20 (Khu bệnh viện cũ)	1.700		
20	Các đoạn đường 11,5 m và 15 m Khu đấu giá Lô LK3	2.500		

#### 1.4. HUYỆN TUẦN GIÁO

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
<b>THỊ TRẤN TUẦN GIÁO</b>					
<b>I</b>	<b>Đường QL 6A</b>				
1	Đoạn đường từ ngã ba trung tâm thị trấn Tuần Giáo đến đường rẽ lên huyện đội đối diện là đường rẽ sang bản Chiềng Chung	14.000	5.000	3.300	2.300
2	Đoạn đường từ đường rẽ lên huyện đội - đối diện là đường rẽ sang bản Chiềng Chung đến đường rẽ vào xóm Hòa Bình (khối Thắng Lợi)	12.000	5.000	3.300	2.300
3	Đoạn đường về phía Mường Lay Từ (đường rẽ vào xóm Hòa Bình đến nhà Thông Nga, Huyền Hương của bản Nong)	8.000	2.300	1.100	550
4	Đoạn đường đi thị xã Mường Lay từ đất nhà Huyền Hương đến hết địa phận thị trấn.	5.000	1.600	800	450
5	Toàn bộ khuôn viên chợ số 1 (chỉ để thuê đất)	10.000	4.000		
6	Đoạn đường từ ngã ba (nhà Kiều Tài phía trái đường, nhà Dũng Duyên phía phải đường) về phía Hà Nội đến đầu cầu Thị Trấn.	11.000	3.500	1.500	750
7	Đoạn đường về phía Hà Nội từ cầu Thị Trấn (nhà Dương Lập đến đường rẽ vào cầu treo khối Sơn Thủy, công Nghĩa trang)	8.000	4.000	1.700	500
8	Đoạn từ cầu thị trấn đến nhà Tùng Quân	8.000	4.000	1.700	500
9	Đoạn từ nhà Tùng Quân đến hết địa phận thị trấn	5.000	2.500	1.700	500
<b>II</b>	<b>Từ đường QL 6 rẽ đi các ngã</b>				
1	Đoạn đường rẽ lên UBND huyện: từ QL 6 đến giáp sân vận động (tính cả hai bên đường)	4.000	1.700		
2	Từ QL6 lên đến công huyện đội	5.000	1.800	1.000	500

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
3	Đoạn đường rẽ cạnh chợ sang bản Chiềng Chung: từ QL 6 đến đầu cầu xi măng	3.000	900	500	
4	Đường rẽ (cạnh nhà bà Thúy - đối diện lô 753 khối Thắng Lợi) đến nhà Đông Xuân	1.000	600	450	
5	Đường vào hội trường khối Thắng Lợi: từ tiếp giáp đất nhà bà Lan Tư đến hết đất nhà bà Huyền	3.000	1.700		
6	Đường vào xóm Hòa Bình (cạnh trường cấp III) từ tiếp giáp đất nhà ông Đắc đến hết đất nhà ông Thái	3.000	1.700	1.150	
7	Đường rẽ sang Chiềng Chung (đối diện ngân hàng) đoạn đường sau nhà bà Thom đến hết đất nhà ông Thái Dung	2.000	1.200	600	
8	Đoạn đường rẽ từ QL 6A vào hội trường khối Tân Thủy: từ đất nhà ông Chăm Vân đến hết đất nhà ông Vương.	2.000	1.200	650	300
<b>III</b>	<b>Đoạn đường QL 279</b>				
1	Đoạn đường từ ngã ba trung tâm (nhà ông Đức Nam phía trái đường chỉ cụt thuế phía phải đường) về phía Điện Biên đến cổng Bệnh viện đối diện bên kia đường hết đất nhà ông Lê Văn Vượng, bà Trần Thị Nhuận.	12.000	4.500	2.600	1.700
2	Đoạn đường từ cổng bệnh viện đối diện bên kia đường hết đất nhà ông Lê Văn Vượng, bà Trần Thị Nhuận về phía Điện Biên đến cầu bản Đông.	10.000	4.500	2.600	1.700
3	Đoạn đường từ cầu bản Đông đến hết đất nhà ông Long (Đối diện bên kia đường là nhà Trường Liên)	8.000	2.900	1.800	850
4	Đoạn đường từ nhà ông bà Thái (Đối diện bên kia đường là nhà ông Thắng) đến nhà Huyền Hương (Chân dốc đỏ)	5.000	2.900	1.800	850
5	Đoạn đường chân dốc đỏ từ nhà Trung Liên đến hết đất nhà ông Lưu Bá Nhu	4.000	3.000	2.000	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
6	Đoạn đường từ nhà Lưu Bá Nhu đến hết quán Thúy Nga khối Đồng Tâm	3.000	2.100	1.700	1.000
7	Đường mới từ ngã ba QL6 đến ngã ba QL279.	8.000	3.500	2.600	1.300
<b>IV</b>	<b>Từ đường QL 279 rẽ đi các ngã</b>				
1	Đường rẽ từ QL 279 (Từ nhà ông Chiến Oanh, bà Khánh đến hội trường khối Đoàn Kết)	1.600	800	650	450
2	Đoạn đường rẽ vào bản Đông từ QL 279 đường sau đoạn bệnh viện đến nhà ông Tiến	2.400	1.500	1.100	600
3	Đoạn đường rẽ sang Sơn Thủy: Từ QL 279 đến nhà ông Thành	1.700	1.000	650	450
4	Đoạn đường từ Công ty Điện lực huyện Tuần Giáo đến hết đất nhà ông Thành Loan (đối diện là nhà ông Xuyên)	1.700	1.000	650	450
5	Đoạn đường rẽ từ QL 279 đi qua Trung tâm bồi dưỡng chính trị đến nhà bà Loan Tiêng (Đối diện là nhà bà Lê)	1.700	1.000	650	450
6	Đoạn đường rẽ (sau nhà ông Tiến khối Đoàn Kết) từ QL 279 đến nhà bà Loan Tiêng	1.700	1.000	650	450
7	Đoạn đường rẽ (cạnh kho lương thực) từ QL 279 đến nhà ông Viêng	1.700	1.000	650	450
8	Đoạn đường rẽ (cạnh lô TL1 - Lô 588) từ QL 279 đến trước nhà ông Dục	1.500	1.000	650	450
9	Đoạn đường rẽ từ QL 279 (cạnh nhà ông Đức khối 20/7) đến nhà ông Thông	1.000	650	450	
10	Khu dân cư xóm đảo khối Đoàn kết	1.000	1.000	650	
11	QL 279 đoạn đường từ sau nhà Trường Liên đến nhà ông Phong (Khối 20/7)	1.000	1.000	650	



STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
<b>V</b>	<b>Đường nội thị</b>				
1	Đoạn đường sau chợ số 1	1.700	1.100	550	
2	Đoạn đường khu tập thể Ngân hàng Nông nghiệp cũ (Cạnh trường Mầm non) đến đường sau nhà liên cơ đến nhà Đông Hương	2.000	1.100	550	
3	Đoạn đường từ QL 6 đến hội trường khối Tân Giang, nhà Thảo Tôn	3.000	1.800	1.300	
4	Đoạn vòng quanh sân vận động + nhà văn hóa huyện	2.000	1.050	700	
5	Đoạn đường từ nhà ông Hùng (Đối diện là nhà ông Cương) qua nhà Trãi Ngãi đến hết nhà bà Lan	2.000	1.050	700	
6	Đoạn đường từ QL6 cạnh Kho bạc đến nhà Tinh Biên	2.500	1.700	1.000	
7	Đoạn đường xóm Hòa Bình khối Thắng Lợi: Từ nhà ông Thanh Năm đến hết đất nhà ông bà Tinh Thương	1.500	530	320	
8	Đoạn đường vào khối Huổi Củ: Từ cổng huyện đội đi qua nhà ông Tuấn, đi hết đường đến nhà ông bà Đông Hùng	1.500	530	320	
9	Đoạn đường từ phòng Giáo dục huyện đi qua nhà bà Hiu đến nhà ông Quang	1.500	530	320	
10	Đoạn đường cạnh bãi chiếu bóng: từ sau nhà bà Thẩm đến LĐLĐ huyện	1.500	530	320	
11	Đoạn dãy nhà 2 và 3 sau CTTNHH Thương mại (trước huyện đội)	1.000	530	320	
12	Đoạn đường liền kề sau kho lương thực	1.000	450	280	
13	Đoạn khu dân cư xóm suối ngầm (sau Lâm trường)	1.500	1.000	600	
14	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Chiền sau trường THCS Thị trấn	1.500	530	320	
15	Đoạn từ nhà bà Vui đến nhà Doanh Hương	1.000	530	320	

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
16	Đoạn đường (trước cổng bệnh viện) từ thửa T40.1 đến thửa T40.30	4.000	1.500		
17	Đoạn đường sau nhà khách huyện: từ nhà bà Bắc Thảo đến ngã ba hết đất nhà ông bà Sự Mận	1.000	500		
18	Đoạn đường vào Huổi Háng: từ sau nhà khách đi qua nhà ông Đỗ Xuân Hoàn đến hết đất nhà ông Ngát	1.200	500		
19	Đoạn đường cạnh Diêm trường Mầm non Đô Rê Mon	800	500		
20	Đoạn đường từ Bảo hiểm xã hội huyện Tuần Giáo (đối diện nhà bà Ngô Thị Hương) đi qua nhà văn hóa khối Sơn Thủy đến hết đất nhà ông bà Hòa Năm đường đi lên xã Tênh Phong	2.000	650	450	
21	Đoạn đường từ nhà Chín Huấn (đối diện là Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo) đến nhà ông Thuấn khối Tân Giang	2.000	700	500	
22	Đoạn đường từ nhà ông Túc khối Tân Giang đến nhà nghỉ Thanh Thủy	1.200	700	500	
23	Đoạn đường từ khối Trường Xuân sau nhà ông Dục đến nhà ông Phiệt khối 20/7	1.000	700	500	
24	Đoạn đường từ Nhà ông Thông khối 20/7 đến nhà bà Tho khối 20/7	1.000	700	500	
25	Đoạn đường đi bản Sản từ nhà Văn hóa khối Sơn Thủy đến hết đất địa phận Thị trấn	900	500	320	
26	Đoạn đường từ nhà Chúc Lợi đến hết đất nhà ông bà Việt Hằng	900	500	320	
27	Những khu vực còn lại trên địa bàn các khối (trừ các bản và các nhóm dân cư trung tâm, xa đường Quốc lộ thuộc các khối trên địa bàn thị trấn)	800	500	320	
28	Các bản và các nhóm dân cư xa trung tâm, xa đường Quốc lộ thuộc các bản trên địa bàn Thị trấn	600	350		

## 1.5. HUYỆN MUỜNG CHÀ

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
I	<b>QUỐC LỘ 12</b>				
1	Đoạn từ mốc giới Thị trấn Mường Chà (giáp xã Sa Lông), đến hết đất đội cao su thị trấn, bao gồm cả hai bên mặt đường	325	200	105	
2	Đoạn từ tiếp giáp đất đội cao su thị trấn, bao gồm cả hai bên mặt đường đến hết SN 02 TDP 8 (Đất nhà Khai Súm), đối diện bên kia đường hết SN 31 TDP 7 (Đất nhà Hải Nguyên).	1.280	400	300	
3	Đoạn từ tiếp giáp SN 31 TDP 7 (Đất nhà Hải Nguyên), đối diện bên kia đường SN 38 TDP 7 (Đất nhà bà Phé) đến hết SN 02 TDP 7 đất cửa hàng Linh Nam 2 đối diện bên kia đường hết SN 15 TDP 15 (Đất nhà ông Thực).	1.600			
4	Đoạn từ SN 56 TDP 5 (nhà Mai Triệu) đối diện bên kia đường từ SN 13 tổ 5 (Đất nhà Sơn Lô) đến hết SN 01 TDP 5 (Đất nhà Luyện Lượng), bên kia đường hết SN 32 TDP 5 (Đất nhà Cương Diệp).	2.200			
5	Đoạn từ SN 30 TDP 5 (Đất nhà Liên Vụ), đối diện bên kia đường từ đất bến xe đến hết SN 04 TDP 5 (Đất nhà ông Kiêu Tuyết), đối diện bên kia đường hết đất chợ.	3.000			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
6	Đoạn từ đất cửa hàng viễn thông quân đội Viettel, đối diện bên kia đường SN 04 TDP 1 nhà Bích Hưng đến SN 28 TDP 9 (Đất nhà Bình Sinh), đối diện bên kia đường hết SN 21 TDP 4 (Đất nhà Kim Tảng).	2.200			
7	Đoạn từ SN 23 TDP 4 (Đất nhà ông Thanh Hoàng), đối diện bên kia đường là đường rẽ vành đai 7m, đến hết SN 83 TDP 3 (Đất nhà ông Tuyên), đối diện bên kia đường hết SN 22 TDP 2 (Đất nhà bà Tuyết)	1.500	550	350	255
8	Đoạn từ SN 85 TDP 3 (Đất nhà bà Đức), đối diện bên kia đường SN 70 TDP 3 (Nhà Tâm Mão cũ) đến hết đất bản Na Pheo 1 (bao gồm cả hai bên mặt đường)	1.000	350	255	200
9	Đoạn từ SN 04 TDP 14 (Đất nhà ông Liên Vân) đối diện bên kia đường đất nhà Ngân - Thìn đến hết SN 116 TDP 14 (Đất nhà Vinh Nhung) đối diện bên kia đường hết đất ông Lễ Sản .	980	280	140	
10	Đoạn tiếp giáp SN 116 TDP 14 (Đất nhà Vinh Nhung), bên kia đường tiếp giáp đất ông Lễ Sản đến hết mốc lộ giới Thị trấn Mường Chà.	325	225	115	
<b>II</b>	<b>Đường Nội thị 10m khu A</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
1	Đoạn từ SN 93 TDP 4 (Đất nhà ông An Phương), đối diện bên kia đường SN 52 TDP 4 (Đất nhà ông Xa Huấn) đến hết đất trường Mầm Non đối diện bên kia đường đất nhà Hương - Thi	520			
2	Đoạn từ SN 05 TDP 6 (Đất nhà bà Thúy - Tráng) đến hết SN 43 TDP 9 đất nhà Kiên Bình	520			
3	Đoạn từ SN 72 TDP 7 (Đất nhà bà Hạnh Quyền) đến hết SN 32 TDP 8 (Đất hộ ông Mộc - Thê).	380			
<b>III</b>	<b>Đường Vành đai 7m</b>				
1	Đoạn từ SN 02 TDP 10 (Đất nhà ông Khu), đối diện bên kia đường từ SN 04 TDP 9 (Đất nhà bà Loan) đến hết SN 32 TDP 10 (Đất nhà Oánh Hiền), đối diện đến bên kia đường hết SN 46 TDP 9 Đất nhà ông Hiền Thu).	420	320		
2	Đoạn từ SN 23 TDP 1 (Đất nhà Khánh - Phiên) đến hết đất nhà Dương Vân	420			
3	Đoạn từ cầu bê tông đến hết SN 77 TDP 12 (Đất hộ ông Thắng - Ngọc) (Bao gồm hai bên đường)	400	240		
4	Đoạn từ cầu bê tông (tả luy dương) hết SN 56 TDP 4 (Đất nhà Vi Phương).	320	220		
5	Đoạn từ cầu bê tông (tả luy âm) đến hết SN 97 TDP 4 (Đất nhà Hiền Mùi).	350	225		

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
6	Đường QL 12 rẽ xuống đoạn từ SN 68 TDP 4 (Đất nhà ông Ngọc) đến giáp kê suối (Bao gồm cả hai bên mặt đường)	525			
<b>IV</b>	<b>Đường nội thị 5m</b>				
1	Đoạn từ SN 51 TDP 6 (Đất nhà ông Thom Kín) đối diện bên kia đường nhà ông Sương đến hết SN 49 TDP 6 (Đất bà Phương Hờ)	280			
<b>V</b>	<b>Khu dân cư sau Nhà thi đấu</b>				
1	Khu vực đằng sau nhà thi đấu huyện đến giáp suối Nậm Mươn	280			
2	Các đường còn lại nội thị hạ tầng Khu A thị trấn Mường Chà	420			
<b>VI</b>	<b>Quốc lộ 12 rẽ đi Si Pa Phìn</b>				
1	Đoạn từ SN 01 TDP 13 (Đất nhà ông Kiếm), đối diện bên kia đường từ SN 02 TDP 13 (Nhà ông Minh) đến hết tổ dân phố số 13.	190	130	70	
2	Cụm dân cư Km số 5 tổ dân phố số 13	160	115	70	
<b>VII</b>	<b>Khu dân cư sau sân vận động</b>				
1	Đoạn từ SN 21 TDP 11 (Nhà Sinh - Mai) đến đất nhà Sán - Chung	320			
<b>VIII</b>	<b>Khu dân cư sau cây xăng số 8</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
1	Đoạn từ SN 32 TDP 3 (Nhà Thanh - Ngọc) đến hết SN 108 TDP 3 (Nhà Phong - Tuyết) đối diện bên kia đường từ khoảng đất trống sau nhà Thủy - Tiên đến hết SN 127 - TDP 3 (nhà Hòa - Tâm)	420	280	200	
<b>IX</b>	<b>Khu B</b>				
1	Khu dân cư đường đi bản Huổi Xuân	250			

## 1.6. HUYỆN TỬA CHÙA

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Đường số 1: Từ cầu Dốc Vàng- phía thị trấn đến hết đất trường Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Trung tâm Giáo dục thường xuyên.				
1.1	- Đoạn 1: Từ giáp đất suối - phía đường vào Bản Cáp đến hết đất trường THPT; bao gồm cả phía đối diện từ hết đất nhà ông Xuân May- thửa 65 tờ bản đồ 8 đến hết đất phòng Kinh tế- Hạ tầng thửa 8 tờ BĐ 20.	3.500	1.500	800	550
1.2	- Đoạn 2: Từ tiếp giáp hết đất phòng Kinh tế- Hạ Tầng thửa 8 tờ BĐ 20 đến hết cầu Dốc Vàng - phía thị trấn; bao gồm cả phía đối diện từ hết đất trường THPT Tủa Chùa- thửa 8 tờ bản đồ 20 đến đầu cầu Dốc Vàng - phía Trạm Biến áp.	3.000	1.300	800	550
1.3	- Đoạn 3: Từ giáp đất suối giáp đất nhà bà Nhuận Điềm- thửa 5 tờ BĐ 12 đến hết đất Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Trung tâm GDTX- thửa 11 tờ bản đồ 01; bao gồm cả phía đối diện từ đất nhà bà Xuyên- thửa 55 tờ bản đồ 8 (giáp suối) đến hết đất nhà ông Vi A Mạnh- thửa 30 tờ bản đồ 02.	2.500	1.000	700	400
1.4	- Đoạn 4: Từ hết đất nhà ông Vi A Mạnh- thửa 30 tờ bản đồ 02 đến hết đất ranh giới của Thị trấn với xã Mường Báng, Sinh Phình; bao gồm cả phía đối diện (trục đường chính).	1.500	800	500	300
1.5	- Đoạn 5: Các thửa đất tiếp giáp sau Chợ thị trấn.	800	600	500	350
2	Đường số 2: Từ đất nhà bà Hương- thửa 15 tờ bản đồ 13 đến hết đất nhà ông Kế Liên- thửa 47 tờ bản đồ 15; bao gồm cả phía đối diện.				
2.1	- Đoạn 1: Từ đất nhà bà Hương- thửa 15 tờ bản đồ 13 đến tiếp giáp đất Hạt Kiểm Lâm- thửa 33 tờ bản đồ 13 (phía nhà Minh Ngọc- thửa 196 tờ bản đồ 13).	3.500	1.500	800	550
2.2	- Đoạn 2: Từ đất của Hạt Kiểm lâm- thửa 33 tờ bản đồ 13 đến hết đất nhà ông Kế Liên- thửa 47 tờ bản đồ 15.	1.800	900	600	360
3	Đường số 3: Từ đất nhà ông Hưng Liên- thửa 4 tờ bản đồ 13 đến hết đất nhà ông Hiến Nhận- thửa 48 tờ bản đồ 59; bao gồm cả phía đối diện từ đất nhà ông Du đến hết đất nhà ông Cường Trương- thửa 128 tờ bản đồ 9.	2.000	1.000	700	400



STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
4	Đường số 4: Từ đất nhà Ông Cảnh- Hạnh- thửa 71 tờ bản đồ 8 đi qua cổng Huyện đội, UBND huyện đến hết đất bà Nguyễn Thị Hiên- thửa 91 tờ bản đồ 35 gần trạm biến áp; bao gồm cả phía đối diện.				
4.1	- Đoạn 1: Từ đất nhà ông Cảnh- Hạnh đến hết đất trường Mầm non Thị trấn- thửa 25 tờ bản đồ 8; bao gồm cả phía đối diện từ đất nhà ông Trung- thửa 102 tờ bản đồ 8 đến hết đất nhà ông Uyên- thửa 34 tờ bản đồ 9; bao gồm cả phía đối diện.	1.800	900	600	300
4.2	- Đoạn 2: Từ đất nhà ông Giới Miến- thửa 21 tờ bản đồ số 8, qua cổng Huyện đội, UBND huyện đến hết đất bà Nguyễn Thị Hiên- thửa 91 tờ bản đồ 35 gần trạm biến áp; bao gồm cả phía đối diện.	1.600	700	300	250
5	Đường số 5: Từ đất Ban quản lý dự án- thửa 65 tờ bản đồ 14, đến hết đất Trung tâm dân số KHHGD- thửa 15 tờ bản đồ 15; bao gồm cả phía đối diện.	2.500	1.200	800	600
6	Đường số 6: Từ đất nhà ông Bình Lược- thửa 16 tờ bản đồ 21 đến hết đất nhà Bà Hải- thửa 36 tờ bản đồ 15; bao gồm cả phía đối diện.	2.500	1.000	700	400
7	Đường số 7: Từ đất nhà ông Trung - Tiệp- thửa 120 tờ bản đồ 14 đến hết đất Câu lạc bộ người cao tuổi- thửa 28 tờ bản đồ 14; bao gồm cả phía đối diện.	1.500	900	500	300
8	Đường số 8: Từ đất nhà bà Đông- thửa số 33 tờ bản đồ 20 đến hết đất nhà ông Sơn Phương- thửa số 28 tờ bản đồ 20; bao gồm cả phía đối diện.	800	500	350	150
9	Đường số 9: Từ đất nhà Ông Hà- Xuyên- thửa 23 tờ bản đồ 04 đến hết đất nhà ông Thảo Chờ Di- thửa 28 tờ bản đồ 03; từ đất nhà bà Lành- thửa 36 tờ bản đồ 04 đến hết đất nhà bà Ái Khà- thửa 02 tờ bản đồ 06; bao gồm cả phía đối diện.	700	450	400	300
10	Đường số 10: Từ đất nhà bà Mai Thám- thửa 173 tờ bản đồ 15 đến hết đất nhà Ông Cường- Dung- thửa 88 tờ bản đồ 15; từ đất nhà ông Trần Mạnh Tuấn- thửa 202 tờ bản đồ 21 đến hết đất nhà ông Biển Sâm- thửa 169 tờ bản đồ 21; bao gồm cả phía đối diện.	1.800	900	650	350

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
11	Đường số 11: Từ đất nhà ông Vũ Ngọc Luyện- thửa 36 tờ bản đồ 21 đến hết đất nhà ông Gụ- thửa 194 tờ bản đồ 21; bao gồm cả phía đối diện từ đất nhà ông Bình- Thúy-thửa 32 tờ bản đồ 21 đến hết đất nhà ông Tuấn- thửa 201 tờ bản đồ 21	1.300	850	500	350
12	Đường số 12: Từ đất bến xe Khách huyện- thửa 38 tờ bản đồ 22 đến đất bà Nguyễn Thị Hiền- thửa 91 tờ bản đồ 35 gần trạm biến áp; bao gồm cả phía đối diện.	2.500	1.000	700	400
13	Đường số 13: Từ đất nhà Xuyên Tuyên- thửa 205 tờ bản đồ 21 đến hết đất nhà ông Tuấn- thửa 202 tờ bản đồ 21; bao gồm cả phía đối diện từ đất nhà ông Trường- thửa 198 tờ bản đồ 21 đến hết đất nhà bà Phương Tuấn- thửa 201 tờ bản đồ 21.	1.800	900	650	350
14	Đường số 14: Từ hết đất phía sau nhà ông Sơn- thửa 7 tờ bản đồ 22 vòng qua nhà Văn hóa Tổ dân phố Thắng Lợi 2 hết đất nhà ông Kiên- thửa 26 tờ bản đồ 22 gồm cả phía đối diện; Từ đất nhà bà Hằng- thửa 66 tờ bản đồ 22 đến hết lô đất thửa 82 tờ bản đồ 22 ( đằng sau đất nhà ông Khiêm).	1.300	650	450	250
15	Đường số 15: Từ đất nhà ông Hải Xoay- thửa 88 tờ bản đồ 04 đến hết đất nhà Tuấn Ngân- thửa 100 tờ bản đồ 04; bao gồm cả phía đối diện, từ đất nhà ông Màng- thửa 86 tờ bản đồ 04 đến hết đất nhà Biển Liên- thửa 79 tờ bản đồ 04.	700	450	400	300
16	Các đoạn đường bao xe công nông vào được (đường nhà nước đầu tư)	600	350	250	200
17	Các đoạn đường còn lại của thị trấn	500	300	200	150

**1.7. THỊ XÃ MUỜNG LAY**

Đơn vị tính: 1000đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
	<b>PHƯỜNG SÔNG ĐÀ</b>				
<b>I</b>	<b>Đường tỉnh lộ 142</b>				
1	Đoạn từ cầu C3 (Tổ 5, phường Na Lay) đến nút giao đất khách sạn Thanh Bình.	800			
2	Đoạn từ đất khách sạn Thanh Bình đến ngã tư giao nhau với đường ĐC10, ĐC11 (hết đất thửa số 20 tờ bản đồ số 24 đối diện là cửa hàng xăng dầu Doanh nghiệp Phúc Lợi).	965			
3	Đoạn từ ngã tư giao nhau với đường ĐC10, ĐC11 (từ cửa hàng xăng dầu Doanh nghiệp Phúc Lợi) đến nút giao Đường ĐC1 (Đường một chiều lên đài phun nước phường Sông Đà).	1.260			
4	Đoạn từ nút giao đường ĐC1 (Đường một chiều lên đài phun nước phường Sông Đà), đi về phía tây đến hết thửa số 07 tờ bản đồ số 19 (đất Ban chỉ huy Thị đội).	1.220			
5	Đoạn từ nút giao thửa số 07 tờ bản đồ số 19 (đất Ban chỉ huy Thị đội) đến hết nhà máy gạch Tuynel.	645			
6	- Đoạn từ nhà máy gạch Tuynel đến ranh giới bản Huồi Mìn (Đoạn đường mới)	450			
<b>II</b>	<b>Đường giao thông khu Tổ 1 - Tổ 5</b>				
1	Đường ĐC1 đoạn từ nút giao với đường tỉnh lộ 142 lên đến đài phun nước.	1.080			
2	Đường ĐC2 đoạn từ nút giao với đường tỉnh lộ 142 về phía tây lên đến đài phun nước.	965			
3	Đường ĐC2 đoạn từ đài phun nước đến phía đông tỉnh lộ 142 (hết đất trạm viễn thông).	965			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
4	Đường ĐC3 đoạn vòng cung từ nút giao với đường ĐC18 (từ đất trường tiểu học Đồi Cao đối diện đất BCH Quân sự thị xã) đến nút giao với đường ĐC10 (hết thửa số 106, tờ bản đồ 21).	880			
5	Đường ĐC4: Đoạn giao nhau với đường ĐC2 (từ đất chi cục Thống Kê đối diện đất Hạt Kiểm Lâm) chạy vòng cung đến nút giao với đường ĐC2 (hết 1 thửa đất Viễn thông thửa 78, tờ bản đồ 21).	870			
6	Đường ĐC5 đoạn giao nhau với đường ĐC2 (từ đất nhà ông Nguyễn Huy Thông thửa 209, tờ bản đồ 17) chạy vòng cung đến nút giao với đường ĐC2 (hết đất nhà bà Hồ Thị Tươi thửa số 48, tờ bản đồ 21).	870			
7	Đường ĐC6 từ nút giao với đường ĐC7 và ĐC8 đến nút giao đường tỉnh lộ 142 (hết thửa số 104 tờ bản đồ số 21 hộ ông Bùi Long Thành đối diện chợ Đồi Cao);	965			
8	Đường ĐC7 đoạn từ nút giao phía bắc quảng trường đến nút giao đường ĐC18;	965			
9	Đường ĐC8 đoạn nút giao đường ĐC7 đến nút giao ĐC1;	965			
10	Đường ĐC9 đoạn nút giao đường ĐC6 đến nút giao ĐC1;	965			
11	Đường ĐC10 đoạn từ nút giao với đường ĐC6 (Từ đất bà Phạm Thị Oanh thửa số 100, tờ bản đồ 21) đến nút giao đường tỉnh lộ 142 (hết đất cây xăng Doanh nghiệp Phúc Lợi thửa số 07, tờ bản đồ 24).	870			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
12	Đường ĐC11 đoạn từ nút giao tỉnh lộ 142, đi theo hướng về phía bắc quanh Trung tâm dịch vụ cảng đường ven hồ, trở lại phía tây tỉnh lộ 142, đối diện với Trạm xử lý nước thải;	965			
13	Đường ĐC18 đoạn từ phía tây tỉnh lộ 142, giáp đất Ban chỉ huy quân sự Thị đội, đi ngược về phía bắc nút giao đường ĐC7.	950			
14	Đường ĐC19 đoạn từ giáp đường tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường ĐC3.	870			
15	Đường ĐC20 đoạn từ giáp đường tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường ĐC3.	870			
<b>III</b>	<b>Khu Tổ 6</b>				
1	Đường ĐC12: Đoạn từ ngã ba giáp đường ĐC16 đến nút giao với đường ĐC6, đối diện Trạm Y tế phường Sông Đà (thửa số 8 tờ bản đồ số 20).	532			
2	Đường ĐC13: Đoạn từ Trạm Khí tượng (mới) đi ngược về phía nam qua đường ĐC12 theo đường vành đai đến nút giao với đường tỉnh lộ 142.	532			
3	Đường ĐC14: Đoạn từ ngã ba giáp đường ĐC13 đi ngược về phía tây bắc qua Trung tâm dạy nghề, trung tâm bồi dưỡng chính trị tới nút giao đường ĐC17	532			
4	Đường ĐC15: Đoạn từ nút giao đường ĐC21, (từ thửa số 23 tờ bản đồ số 28) đến giao đường ĐC22 (hết thửa số 43 tờ bản đồ số 31)	475			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
5	Đường ĐC16: Đoạn từ nút giao đường ĐC14 ngược về phía nam qua đường ĐC12 đến giao nhau với đường ĐC22 (hết đất nhà ông Thiệu thửa số 8 tờ bản đồ số 32).	532			
6	Đường ĐC17: Đoạn từ nút giao từ đường ĐC14 đến ngã tư giao với đường ĐC12 và đường ĐC16 (đằng sau Trung tâm bồi dưỡng chính trị và trước cổng chính của Trung tâm GDTX và Hướng nghiệp).	532			
7	Đường ĐC21: Đoạn từ nút giao đường ĐC22 đến nút giao đường ĐC12.	532			
8	Đường ĐC22: Đoạn từ nút giao đường ĐC21 đến hết đất phía sau thửa số 02 tờ bản đồ số 32 (hộ ông Điều Văn Chiếng)	475			
<b>IV</b>	<b>Trục đường Quốc lộ 12.</b>				
1	Đoạn từ đầu Cầu Hang Tôm đến đầu Cầu Bản Xá.	740			
<b>V</b>	<b>Bản vùng cao</b>				
1	Bản Huổi Mìn	112			
	<b>PHƯỜNG NA LAY</b>				
<b>A</b>	<b>Khu Tổ 5 đến giáp bản Na Nát</b>				
<b>I</b>	<b>Trục đường Tỉnh lộ 142</b>				
1	Đường tỉnh lộ 142: Đoạn từ phía nam cầu Chi Luông mới đi về hướng nam đường một chiều tới nút giao với đường CL9 giáp nhà bà: Lù Thị Nguyên (thửa số 64 tờ bản đồ số 22).	1.380			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
2	Đường tỉnh lộ 142: Đoạn từ đất nhà bà: Lù Thị Nguyên (thửa số 64 tờ bản đồ số 22), đi về phía nam tới hết đất nhà ông Điều Văn Hận (thửa số 13 tờ bản đồ số 34 thuộc bản Chi Lương).	1.300			
<b>II</b>	<b>Đường giao thông nội bộ</b>				
1	Đường CL1: Đoạn từ nút giao với đường tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường CL2 (đối diện Trung tâm hội nghị)	980			
2	Đường CL2:				
2.1	Đường CL2: Đoạn từ nút giao đường CL9 (từ nhà ông Điều Văn Khịn thửa số 62 tờ bản đồ 22) đi qua đường CL5, đến nút giao với đường tỉnh Lộ 142;	670			
2.2	Đường CL2: Đoạn từ nút giao với đường CL9 (từ đất Bru điện Chi Lương) đến nút giao với đường CL13A (hết đất giáp nhà khách UBND thị xã).	670			
2.3	Đường CL2: Đoạn từ đất nhà bà Trần Thị Hương (thửa số 89 tờ bản đồ 12 đối diện đất ông Lò Văn Óp thửa số 88 tờ bản đồ 12) đến nút giao với đường tỉnh lộ 142.	980			
3	Đường CL3: Đoạn từ nút giao với đường tỉnh Lộ 142 đến hết đất sân vận động thị xã	670			
4	Đường CL4: Từ nút giao với đường CL8 đến nút giao với đường tỉnh lộ 142 trước khu vực quảng trường trung tâm.	910			
5	Đường CL4A: Đoạn giáp đất Bảo tàng và Quảng trường.	785			
6	Đường CL5: Đoạn từ nút giao với đường CL9, qua đường CL2, đường tỉnh lộ 142, đường CL10 đến nút giao với đường CL13.	630			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
7	Đường CL6: Đoạn từ nút giao đường CL9 đến nút giao đường CL2.	630			
8	Đường CL7: Đoạn từ nút giao đường CL9 đến nút giao đường CL2.	630			
9	Đường CL8: Đoạn từ nút giao với đường CL2 đến nút giao với đường CL13	670			
10	Đường CL9: Đoạn từ giao đường CL5 (từ nhà sinh hoạt cộng đồng Bản Nghé Toong) đến nút giao với đường CL13 (hết đất nhà ông Chu Văn Toàn thửa số 01 tờ bản đồ 26);	740			
11	Đường CL10				
11.1	Đường CL10: Đoạn từ nút giao với đường CL9 đến nút giao với đường CL13 (hết đất nhà ông Điều Chính Khon thửa số 8 tờ bản đồ 30 thuộc bản Chi Luông).	670			
11.2	Đường CL10: Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Duyên ( thửa số 8 tờ bản đồ 30 bản Chi Luông) đến nút giao với đường NN1 (hết đất nhà ông Chui Văn Kịch thửa số 10 tờ bản đồ 34 bản Chi Luông).	720			
12.1	Đường CL13 từ nút giao với đường CL10 đến nút giao đường CL9 (hết đất hộ ông Chu Văn Toàn)	740			
12.2	Đường CL13 từ nút giao với đường CL9 đến nút giao với đường CL8	660			
13	Đường CL13A: Đoạn nút giao từ đường CL13B đến nút giao đường CL15	780			



STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
14	Đường CL13B: Đoạn từ nút giao với đường CL13A giáp nhà khách UBND thị xã đến nút giao với đường CL2 (hết thửa số 2, tờ bản đồ số 8 hộ ông Lưu Đức Tuấn).	785			
15	Đường CL14: Từ nút giao đường CL13A vị trí đất nhà bà Vi Kim Hòa (thửa số 86 tờ bản đồ 12) đến nút giao đường CL15 (hết đất thửa số 49 tờ bản đồ số 9)	785			
16	Đường CL15: Đoạn từ đất nhà bà Phạm Thị Nhung (thửa số 94 tờ bản đồ 12 đối diện bên kia đường là đất trụ sở Ban QLDA thị xã) đến nút giao đường CL17 (hết đất thửa số 9 tờ bản đồ số 9 nhà bà Lương Thị Hương)	785			
17	Đường CL16: Đoạn nút giao từ đường CL13B đến nút giao đường CL14	785			
18	Đường CL17: Đoạn nút giao từ đường CL14 đến nút giao đường tỉnh lộ 142	785			
19	Đường XD1: Đoạn từ nút giao với đường XD3 đến nút giao với đường CL8	670			
20	Đường XD2: Đoạn từ nút giao với đường XD3 đến nút giao với đường CL8	670			
21	Đường XD3: Đoạn từ nút giao với đường tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường CL13 (Trạm xử lý nước thải).	670			
22	Đường XD4: Đoạn từ nút giao với đường CL3 đến nút giao với đường CL8 (hết thửa số 3 tờ bản đồ số 22).	670			
23	Đường Bê tông 3m: Đoạn từ nút giao với đường CL10 đến hết thửa số 5, tờ bản đồ số 34 hộ ông Chui Văn Chăm	630			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
24	Đường bê tông 3m: Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Chương đến hết đất nhà bà Lò Thị Sơn (thửa số 59 tờ bản đồ 22)	630			
25	Đường bê tông 3m: Đoạn từ đất nhà bà Lò Thị Thâm (thửa số 76 tờ bản đồ 22) đến nút giao với đường CL9 (hết đất thửa số 7 tờ bản đồ 21)	630			
26	Đường mới 1: Đoạn từ nút giao đường tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường mới 2;	630			
27	Đường mới 2: Đoạn từ nút giao đường tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường CL2;	630			
<b>B</b>	<b>Khu bản Nậm Cản đến bản Na Nát</b>				
<b>I</b>	<b>Đường Tỉnh lộ 142</b>				
1	Đoạn từ đất nhà ông Điều Văn Hận bản Chi Luông (thửa số 13 tờ bản đồ 34) đến ngã ba kho vật chứng Công an thị xã (thửa số 01 tờ bản đồ 46)	1.600			
2	Đoạn từ đất Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ 4 (thửa số 68 tờ bản đồ 42) đến hết Bưu cục bưu điện Nậm Cản (thửa số 34 tờ bản đồ 47).	2.500			
3	Từ Bưu điện Nậm Cản (thửa số 34 tờ bản đồ 47) đến hết đất nhà bà Lò Thị Ăn (thửa số 176 tờ bản đồ 46).	1.800			
4	Đoạn nút giao từ đất nhà bà Lò Thị Ăn (thửa số 176 tờ bản đồ 46) đến đầu cầu Nậm Cản.	980			
<b>II</b>	<b>Đường giao thông nội bộ</b>				
1	Đường NC1: Đoạn từ ngã ba nút giao với đường tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường NC3;	952			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
2	Đường NC2: Đoạn từ đất nhà bà Lò Phương Thoa ( thửa số 2 tờ bản đồ 46) đối diện đất Công an thị xã đến nút giao với đường NC7 hết đất nhà Xoan (Vĩnh) (thửa số 153 tờ bản đồ 46) đối diện hết đất trường THPT thị xã.	1.000			
3	Đường NC3 đoạn từ ngã ba nút giao với đường NC1 và NC2 đến nút giao với đường tỉnh lộ 142	810			
4	Đường NC4: Đoạn từ nút giao với đường NC3 giáp đất nhà ông Nguyễn Xuân Phương (thửa số 22 tờ bản đồ 46) đến nút giao với đường NC7 giáp đất nhà bà Lò Thị Tuyết (thửa số 152 tờ bản đồ 46)	810			
5	Đường NC5: Đoạn từ nút giao đường NC1 đến nút giao đường Tỉnh lộ 142 (hết đất Bưu Điện Nậm Cản).	810			
6	Đường NC6: Đoạn từ nút giao với đường NC11 (từ đất nhà bà Trần Thị Nhị thửa số 56 tờ bản đồ 47) nút giao với đường NC7 (hết đất nhà Văn hóa phường Na Lay).	810			
7	Đường NC7: Đoạn từ nút giao nhau với đường NC2 đến nút giao với đường Tỉnh lộ 142.	810			
8	Đường NC9: Từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường NC21.	810			
9	Đường NC10: Đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường NC21	810			
10	Đường NC11 từ nút giao với Tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường NC21	810			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
11	Đường NC13: Đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 đến ngã tư giao nhau với đường NC2, NC18 và NC7;	560			
12	Đường NC15: Đoạn từ nút giao với đường NC7 (từ đất UBND phường Na Lay) đến hết đất nhà ông Lương Văn Phương (thửa số 48 tờ bản đồ 49).	560			
13	Đường NC16: Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Von (thửa số 56 tờ bản đồ 49) đến hết đất nhà ông Lò Văn Phìn (thửa số 4 tờ bản đồ 44);	630			
14	Đường NC17: Đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 vào suối Nậm Cản (đối diện đường NC16);	630			
15	Đường NC18: Đoạn từ nút giao với đường NC7 và NC2 đến hết đất Nhà máy nước.	600			
16	Đường NC19: Đoạn từ nút giao với đường NC9 (từ đất nhà bà Tông Thị Bạ thửa số 91 tờ bản đồ 50) đến nút giao với đường Tỉnh lộ 142.	560			
17	Đường NC20: Đoạn từ nút giao với đường NC2 đến nút giao với đường Tỉnh lộ 142	810			
18	Đường NC21 đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 (đầu chợ Nậm Cản) đến nút giao với đường Tỉnh lộ 142 (đầu cầu Nậm Cản).	770			
<b>III</b>	<b>Đường giao thông nội bộ điểm TĐC Na Nát</b>				
1	Đường NN1				
1.1	Đường NN1: Đoạn từ nút giao đường Tỉnh lộ 142 (thửa số 64 TBD 42) đến giao với đường NN5 hết thửa số 29 TBD số 42)	810			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
1.2	Đường NN1: Đoạn từ giao với đường NN5 (từ thửa số 18 TBD số 42) đến nút giao đường CL1	730			
2	Đường NN2: Đoạn từ nút giao với đường NN8 (từ thửa số 16 tờ bản đồ 34) đến nút giao với đường Tỉnh lộ 142 (hết thửa số 63 tờ bản đồ 42)	670			
3	Đường NN3: Đoạn từ nút giao với đường NN5 (từ thửa số 25 tờ bản đồ 42) đến nút giao với đường NN7 (hết thửa số 23 tờ bản đồ 33)	670			
4	Đường NN4: Đoạn từ nút giao với đường NN2 đến nút giao với đường Tỉnh lộ 142	670			
5	Đường NN5: Đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường NN1;	670			
6	Đường NN6: Đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường NN1;	670			
7	Đường NN7: Đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường NN1;	670			
8	Đường NN8: Đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 đến nút giao với đường NN1;	670			
<b>C</b>	<b>Khu vực bản Bó đến Bệnh viện thị xã</b>				
<b>I</b>	<b>Trục đường Quốc lộ 12.</b>				
1	Đoạn từ Cầu Bản Xá đến giáp đất Bến xe thị xã.	980			
2	Đoạn từ đất Bến xe thị xã đến hết địa phận phường Na Lay.	1.500			
<b>II</b>	<b>Đường giao thông đoạn Tổ 7 - Tổ 13</b>				
1	Đường CK1				

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
1.1	Đường CK1: Đoạn từ ngã tư nút giao với đường CK11 đến nút giao với đường CK8 (hết đất nhà Tâm Xứng thửa số 155 tờ bản đồ 39)	2.100			
1.2	Đường CK1: Đoạn từ ngã tư nút giao với CK11 đến nút giao với đường CK10 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Năm thửa số 34 tờ bản đồ 51)	1.500			
1.3	Đường CK1: Đoạn từ nút giao với đường CK8 (từ thửa số 139 tờ bản đồ 39) đến nút giao với đường CK12 (hết đất Trường tiểu học Võ Thị Sáu)	1.800			
1.4	Đường CK1: Đoạn từ nút giao với đường CK10 đến hết địa giới phường Na Lay (điểm đầu nối với đường N13A và N19A xã Lay Nưa)	1.050			
2	Đường CK2: Đoạn từ nút giao với đường CK7 đến nút giao với đường CK3	1.050			
3	Đường CK3				
3.1	Đường CK3: Đoạn từ đất nhà bà Lê Thị Oanh (thửa số 68 tờ bản đồ 43) đến nút giao với đường CK8 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy thửa số 168 tờ bản đồ 39)	1.220			
3.2	Đường CK3: Đoạn từ nút giao với đường CK8 (từ đất nhà Điều Thị Non thửa số 152 tờ bản đồ 39) đến nút giao với đường CK12 (hết đất nhà ông Giàng A Nhà thửa số 5 tờ bản đồ 35 đối diện là Trường tiểu học Võ Thị Sáu)	1.160			
4	Đường CK4: Đoạn từ nút giao với đường CK10 đến nút giao với đường CK9	1.050			

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
5	Đường CK5: Đoạn từ nút giao với đường CK11 đến nút giao với đường CK1;	1.050			
6	Đường CK6: Đoạn từ nút giao với đường CK13 đến nút giao với đường CK3;	1.050			
7	Đường CK7: Đoạn từ nút giao với đường CK13 đến nút giao với đường CK3.	1.050			
8	Đường CK8: Đoạn từ nút giao với đường CK1 đến nút giao với đường CK13;	1.050			
9	Đường CK9: Đoạn từ nút giao với đường CK1 đến nút giao với đường Quốc lộ 12;	1.120			
10	Đường CK10: Đoạn từ nút giao với đường CK1 đến nút giao với đường Quốc lộ 12;	1.120			
11	Đường CK11: Đoạn từ đầu cầu cơ khí đến giao nhau với QL12;	2.100			
12	Đường CK12: Đoạn từ ngã tư nút giao với đường CK1, CK13 và BH1 đến nút giao với đường CK3;	1.050			
13	Đường CK13: Đoạn từ nút giao với đường CK1 đến nút giao với đường CK1 và đường BH1	1.050			
14	Đường CK14: Đoạn từ nút giao với đường CK1 đến nút giao với đường Quốc lộ 12.	1.120			
<b>III</b>	<b>Đường giao thông bản Hốc, bản Bó</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí còn lại
1	Đường BH1: Đoạn từ ngã tư nút giao với đường CK1, CK13 và CK12 (từ đất nhà ông Lâm Văn Côi thửa số 60 tờ bản đồ 31) đến nút giao đường QL12 (hết đất Nhà khách Trúc An)	1.000			
2	Đường BH2: Đoạn từ nút giao với đường BH5 (từ Trạm xử lý nước thải Cơ Khí) nút giao với đường BH1	700			
3	Đường BH3: Đoạn từ nút giao với đường CK12 (từ đất nhà ông Sùng A Tủa thửa số 4 tờ bản đồ 35) đến nút giao với đường BH7 (hết đất ông Giàng Văn Hình thửa số 4 tờ bản đồ 28)	700			
4	Đường BH4: Đoạn từ nút giao với đường CK12 đến hết đất thửa số 33 tờ bản đồ 31	700			
5	Đường BH5: Đoạn từ nút giao với đường BH1 đến nút giao với BH3;	700			
6	Đường BH6: Đoạn từ nút giao với đường BH1 đến nút giao với BH3;	700			
7	Đường BH7: Đoạn từ nút giao với đường BH1 đến nút giao với BH3.	700			
<b>D</b>	<b>Trục đường Quốc lộ 6</b>				
1	Đoạn từ ngã ba Đường Quốc Lộ 12 đến hết địa phận thị xã Mường Lay.	392	322	260	170